

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2021/HSST

Ngày: 17/8/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và bà Lê Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 187/2021/HSST, ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2021/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Thông báo chuyển lịch xét xử đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Đình N (L)** - Sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số 18 đường L, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe.

Con ông Võ D, sinh năm: 1935; Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1948. Hiện cùng trú tại: Số 18 đường L, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1990; Bị cáo có 02 con, đều sinh năm 2013. Hiện cùng trú tại: Số 18 đường L, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 25/8/2020 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Trần Đình H** - Sinh năm 1990, tại Thành phố H.

Hộ khẩu thường trú: số 72/7 đường N, phường 9, Quận 6, thành phố H.

Nơi cư trú: Hẻm 274 đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Phụ hồ. Con ông Trần Đình H (đã chết);

Con bà Phạm Thị Kim H, sinh năm: 1967. Hiện trú tại: Hẻm 274 đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Lê Thị Hồng V, sinh năm: 2000; Bị cáo có 01 con, là Lê Thị Bảo H, sinh năm 2019. Hiện cùng trú tại: T2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 02/4/2021 cho đến nay. (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

Ông Nguyễn Phước T – Sinh năm: 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 27 đường A, t1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Duy H (vắng mặt).

Địa chỉ: T1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Võ Đình Đ – Sinh năm: 1999 (có mặt).

Địa chỉ: số 16, T8, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 25/8/2020, Võ Đình N cùng Trần Đình H, cư trú: Hẻm 274 đường X, phường T, thành phố B; anh Võ Đình Đ, cư trú: T8, xã C, thành phố B và một số người (chưa xác định nhân thân, lai lịch) ngồi nhậu ở quán N, địa chỉ: Đường 10/3, T1, xã C, thành phố B. Quá trình ngồi nhậu, N có kể cho H nghe: “Trước đây có lái xe cho Công ty vận tải P, địa chỉ: Số 27, đường A, T1, xã C, thành phố B do ông Nguyễn Phước T làm chủ nhưng bị chèn ép và việc thanh toán chi phí đi lại không hợp lý nên vừa xin nghỉ việc”. Sau đó, N rủ H khi nào thấy xe của Công ty P thì chặn xe ném đá, H đồng ý. N sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số thuê bao 0842.220.099 gọi điện thoại cho anh Huỳnh Duy H, trú tại: T1, xã C, thành phố B nhờ định vị giúp xe ô tô biển số 47C – 095.22 của Công ty P đang ở đâu, thì anh H nói xe đang ở cây xăng H, ở địa chỉ: Đường 10/3, T1, xã C, thành phố B. Lúc này, N nói H qua cây xăng H xem có chiếc xe biển số 47C – 095.22 không, thì H đi rồi về nói với N, có xe biển số 47C – 095.22 ở cây xăng H. Sau đó, N nói H qua cây xăng ném đá xe ô tô biển số 47C - 095.22, thì H đồng ý. Khi đi đến nơi, H nhặt 01 cục bê tông, cầm trên tay phải định ném vào xe ô tô 47C - 095.22, thì bị anh Đ can ngăn nên H không ném được. Lúc này, N đi đến vị trí xe ô tô 47C - 095.22, nhặt 03 cục bê tông, kích thước khoảng (06x06)cm, dùng tay phải ném mạnh vào kính chắn gió, phía trước đầu xe và phần đầu xe ô tô 47C - 095.22, làm hư hỏng kính chắn gió và phần đầu xe ô tô biển số 47C - 095.22 rồi cùng H và anh Đ đi về. Sau khi biết xe ô tô của mình bị ném đá, ông Nguyễn Phước T đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 140/KLĐG ngày 02/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- Chi phí thay thế kính chắn gió trước xe ô tô hiệu CHENGLONG, biển số 47C - 095.22, trị giá 3.500.000 đồng.

- Chi phí sửa chữa mặt trước cabin xe ô tô hiệu CHENGLONG, biển số 47C - 095.22 (làm đồng mặt capo), trị giá 1.800.000 đồng.

- Tiền công tháo lắp 650.000 đồng.

Tổng trị giá chi phí thay thế và sửa chữa là 5.950.000 đồng.

Tại Công văn số 03/HĐĐGTS ngày 22/6/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, trả lời: Giá trị của Kính chắn gió trước xe ô tô CHENGLONG tại thời điểm trước khi bị hủy hoại ngày 28/5/2020 là: 2.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 222/CT-VKS-HS ngày 28/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã truy tố bị cáo Võ Đình N và Trần Đình H về tội: “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Võ Đình N và Trần Đình H theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Đình N và bị cáo Trần Đình H phạm tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Đình N mức án tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự .

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình H mức án tù 6 đến 9 tháng tù.

- *Về phần xử lý vật chứng:*

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông Nguyễn Phước T 01 xe ô tô hiệu CHENGLONG, màu bạc, biển số 47C - 095.22 là tài sản của Doanh nghiệp tư nhân vận tải P nhận quản lý sử dụng.

- *Về phần trách nhiệm dân sự của vụ án:* Đề nghị chấp nhận việc bị cáo Võ Đình N đã bồi thường cho ông Nguyễn Phước T (là chủ Doanh nghiệp tư nhân vận tải P) số tiền 5.950.000 đồng là tiền chi phí thay thế và sửa chữa xe ô tô biển số 47C - 095.22. Ông T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Võ Đình N và bị cáo Trần Đình H không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Qua kết quả tranh luận và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Đình N và bị cáo Trần Đình H đã phạm tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:".

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Các bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị trừng trị, nhưng vì ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào ngày 28/5/2020, tại cây xăng dầu H, Võ Đình N đã rủ Trần Đình H dùng đá ném vào xe ô tô hiệu CHENGLONG, biển số 47C – 095.22 của Doanh nghiệp tư nhân vận tải P, thì H đồng ý. H đi đến chỗ xe ô tô biển số 47C – 095.22, nhặt đá chuẩn bị ném vào xe ô tô biển số 47C – 095.22, thì bị anh Võ Đình Đ can ngăn nên không ném được. Lúc này, Võ Đình N đi tới nhặt đá (cục bê tông) ném vào xe ô tô biển số 47C – 095.22, làm hư hỏng kính chắn gió và phần đầu xe ô tô. Tổng trị giá tài sản bị hư hỏng là 3.800.000 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo Võ Đình N và Trần Đình H phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, do vậy, Hội đồng xét xử cần phân hóa trách nhiệm hình sự, xem xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp cụ thể.

Bị cáo Võ Đình N là người tham gia với vai trò là người khởi xướng, trực tiếp rủ rê, xúi giục H nếu thấy xe của Công ty Phước T thì chặn xe ném đá thì được

H đồng ý đồng thời là người thực hiện tích cực nhất. Còn bị cáo Trần Đình H sau khi được bị cáo N rủ nếu thấy xe của Công ty P thì chặn xe ném đá thì H đã không ngăn cản mà đồng ý cùng bị cáo N đi ném đá đồng thời bị cáo là người trực tiếp qua cây xăng H tìm chiếc xe biển số 47C-09522 ở cây xăng H rồi về báo lại cho N, bị cáo H đã nhặt đá để ném vào xe ô tô biển số 47C - 095.22, thì bị anh Võ Đình Đ can ngăn nên không ném được vì vậy mức hình phạt của bị cáo H thấp hơn so với bị cáo N.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Xét về nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị thiệt hại không lớn, bị cáo N đã khắc phục hậu quả bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại đây cũng là một trong các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên cần áp dụng điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Võ Đình N và áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Đình H khi lượng hình.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen là phương tiện bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác định, N đã làm mất điện thoại di động hiệu Nokia, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với các cục bê tông là công cụ bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được nên không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với anh Huỳnh Duy H là người đã giúp bị cáo N định vị xe ô tô biển số 47C - 095.22. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã xác minh nhưng anh H không có mặt tại địa phương nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt của bị cáo Võ Đình N cao hơn mức hình phạt của bị cáo Trần Đình H, xét thấy bị cáo N có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giá trị tài sản bị thiệt hại không lớn (chỉ có 3.800.000 đồng) và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Võ Đình N là phù hợp. Cần chấp nhận.

[4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về phần xử lý vật chứng:

Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông Nguyễn Phước T 01 xe ô tô hiệu CHENGLONG, màu bạc, biển số 47C - 095.22 là tài sản của Doanh nghiệp tư nhân vận tải P nhận quản lý sử dụng.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Cần chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Võ Đình N đã bồi thường cho ông Nguyễn Phước T (là chủ Doanh nghiệp tư nhân vận tải P) số tiền 5.950.000 đồng là tiền chi phí thay thế và sửa chữa xe ô tô biển số 47C - 095.22. Ông T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Đình N và Trần Đình H phạm tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

1.Xử phạt: Bị cáo Võ Đình N 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C để giám sát, giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Đình H 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 02/4/2021 đến ngày tuyên án, bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Đình H, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội nào khác.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 589, 590, 591 Bộ luật dân sự 2015.

- *Về phần xử lý vật chứng*: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Nguyễn Phước T (là chủ Doanh nghiệp tư nhân vận tải P) 01 xe ô tô hiệu CHENGLONG, màu bạc, biển số 47C - 095.22 nhận quản lý sử dụng.

- *Về phần trách nhiệm dân sự*: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Võ Đình N đã bồi thường cho ông Nguyễn Phước T (là chủ Doanh nghiệp tư nhân vận tải P) số tiền 5.950.000 đồng, là tiền chi phí thay thế và sửa chữa xe ô tô biển số 47C - 095.22. Ông T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Đình N và bị cáo Trần Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

o

